

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**



---

Hà Nội - Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 28

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 19/6/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petroleum Logistic Service And Invesment Joint Stock Company. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
Địa điểm giao dịch: Tầng 15, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 01 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Hùng Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/06/2018)
Vương Thái Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/06/2018)
Ông Phan Thanh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/06/2018)
Ông Ngô Minh Sơn	Thành viên
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên

**Ban giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này:

Ông Trương Hùng Sơn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/6/2018)
Ông Phan Thanh Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/06/2018)
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trương Hùng Sơn**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019*



Số: 169/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink handwritten signature.

**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019*

**Nguyễn Ngọc Khánh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>34.406.708.530</b>	<b>33.956.116.483</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>18.020.738.297</b>	<b>24.390.557.636</b>
1. Tiền	111		2.020.738.297	529.622.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	23.860.935.602
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.431.925.501</b>	<b>3.855.010.399</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.218.940.952	3.821.450.311
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	8.906.658.595	5.616.093.935
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.070.029.906	2.792.512.105
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(7.763.703.952)	(8.375.045.952)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>4.334.009.000</b>	<b>5.085.177.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.860.571.547	5.085.177.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.526.562.547)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.620.035.732</b>	<b>625.371.448</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	267.390.219	31.110.648
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.147.111.613	319.832.509
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	205.533.900	274.428.291
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>100.067.732.079</b>	<b>82.894.282.374</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.328.758.818</b>	<b>12.279.176.861</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.328.758.818	3.127.926.861
- Nguyên giá	222		7.405.966.448	6.808.671.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.077.207.630)	(3.680.744.894)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	9.151.250.000
- Nguyên giá	228		-	9.151.250.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>28.517.676.898</b>	-
1. Nguyên giá	231		29.749.488.918	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.231.812.020)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.11</b>	<b>39.905.087.280</b>	<b>64.119.330.481</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		39.905.087.280	64.119.330.481
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>6.150.936.008</b>	<b>5.832.934.257</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.917.000.000	1.620.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.745.010.000	4.745.010.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(511.073.992)	(532.075.743)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.165.273.075</b>	<b>662.840.775</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	21.165.273.075	662.840.775
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>134.474.440.609</b>	<b>116.850.398.857</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>	<b>38.786.613.678</b>	<b>22.707.345.390</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>36.246.585.829</b>	<b>19.785.909.518</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	443.206.481	2.801.081
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.13	3.886.309.011	2.291.909.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.8	45.710.007	60.140.313
4. Phải trả người lao động	314	360.853.000	542.905.812
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 5.14	26.437.158.764	558.047.418
6. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.15	5.040.362.382	16.308.318.725
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	32.986.184	21.786.184
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.540.027.849</b>	<b>2.921.435.872</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	383.936.940	908.435.872
2. Phải trả dài hạn khác	337 5.15	2.156.090.909	2.013.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>	<b>95.687.826.931</b>	<b>94.143.053.467</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.16</b>	<b>95.687.826.931</b>	<b>94.143.053.467</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12.739.309.410	12.739.309.410
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.376.525.328	1.376.525.328
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(18.428.007.807)	(19.972.781.271)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	(19.972.781.271)	(17.862.909.074)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	1.544.773.464	(2.109.872.197)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>	<b>134.474.440.609</b>	<b>116.850.398.857</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Trương Hùng Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	7.383.028.688	9.318.833.557
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		7.383.028.688	9.318.833.557
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	5.987.015.128	7.677.145.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.396.013.560	1.641.688.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	811.184.091	1.145.771.343
7. Chi phí tài chính	22	5.20	(21.051.496)	(925.711.805)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	140.249.606	99.750.394
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	5.820.894.650	5.725.707.267
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		(3.732.895.109)	(2.112.286.379)
11. Thu nhập khác	31		8.100.903.533	2.414.182
12. Chi phí khác	32		2.823.234.960	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	5.277.668.573	2.414.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.544.773.464	(2.109.872.197)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.544.773.464	(2.109.872.197)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	154,48	(211)

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung



Trương Hùng Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.544.773.464	(2.109.872.197)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.845.861.499	267.247.800
- Các khoản dự phòng	03	894.218.796	(2.935.208.829)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(472.708.331)	(1.145.771.343)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.812.145.428	(5.923.604.569)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.723.957.815)	30.427.573.433
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(775.394.547)	4.369.772.546
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11.171.555.740	(72.058.040.249)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(20.738.711.871)	11.601.817
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.200.000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(44.151.909)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(13.243.163.065)</b>	<b>(43.216.848.931)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.927.317.638)	(36.344.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11.286.477.273	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(297.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.334.277.840
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	811.184.091	1.145.771.343
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>6.873.343.726</b>	<b>5.443.704.910</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(6.369.819.339)	(37.773.144.021)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.390.557.636	62.163.701.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	18.020.738.297	24.390.557.636

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Trương Hùng Sơn



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 19/06/2018. Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petroleum Logistic Service And Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2018 VND	Tỷ lệ sở hữu
CTCP- Tổng công ty xây lắp và TM Petrolimex	5.100.000	51.000.000.000	51,00%
Tổng công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	500.000	5.000.000.000	5,00%
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	250.000	2.500.000.000	2,50%
Công ty Xăng dầu Khu vực II	25.000	250.000.000	0,25%
Công ty TNHH Đông Dương	500.000	5.000.000.000	5,00%
Công ty CP Chứng khoán SHS	980.000	9.800.000.000	9,80%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	100.000	1.000.000.000	1,00%
Các cổ đông khác	2.545.000	25.450.000.000	25,45%
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Địa điểm giao dịch: Tầng 15, tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 01 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội

Số lao động bình quân trong năm: 27 người.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2018 là: Kinh doanh hàng hóa, cho thuê bất động sản và cho thuê quyền sử dụng đất.

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)



### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

#### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

a. **Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2018
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình: Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

###### *Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

###### *Đối với doanh thu thương mại*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một khu vực địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	92.723.298	46.000.967
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.928.014.999	483.621.067
Các khoản tương đương tiền (*)	16.000.000.000	23.860.935.602
<b>Tổng</b>	<b>18.020.738.297</b>	<b>24.390.557.636</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng.

**5.2 Các khoản phải thu khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>4.218.940.952</b>	<b>3.821.450.311</b>
Công ty CP- Tổng Công ty Xây lắp và TM Petrolimex	1.503.040.000	-
Công ty CP Tổng Bách hoá	818.344.500	1.703.344.500
Công ty TNHH TM DV & sx Athena	1.897.556.452	2.097.556.452
Đối tượng khác	-	20.549.359
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
<i>Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 6.1- Thông tin các bên liên quan</i>		
<b>Tổng</b>	<b>4.218.940.952</b>	<b>3.821.450.311</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>8.906.658.595</b>	<b>5.616.093.935</b>
CTCP Đầu tư XD và thương mại Thành Mỹ	967.200.000	-
Công ty CP đầu tư phát triển văn phòng	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP TVXD và Môi trường Ngũ Giác	1.300.000.000	-
Công ty cổ phần Quảng Cáo và Nội Thất Thiên Vũ	678.117.660	-
Đối tượng khác	1.961.340.935	1.616.093.935
<b>Trả trước người bán là các bên liên quan</b>		
<i>Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 6.1- Thông tin các bên liên quan</i>		
<b>Tổng</b>	<b>8.906.658.595</b>	<b>5.616.093.935</b>

**5.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.070.029.906</b>	<b>1.047.803.000</b>	<b>2.792.512.105</b>	<b>834.145.000</b>
Tạm ứng	2.429.043.012	-	1.160.498.148	-
Công ty CP Đầu tư W29	1.068.290.000	747.803.000	1.068.290.000	534.145.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Phải thu khác	272.696.894	-	263.723.957	-
<b>Tổng</b>	<b>4.070.029.906</b>	<b>1.047.803.000</b>	<b>2.792.512.105</b>	<b>834.145.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (*)	8.084.190.952	320.487.000	9.169.190.952	794.145.000

(\*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tổng Bách Hóa				818.344.500
Công ty TNHH TMDV & SX Athena				1.897.556.452
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN				300.000.000
Công ty CP Đầu tư W29				1.068.290.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Văn phòng				4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.084.190.952</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	734.009.000	-	-	-
Hàng hóa bất động sản	5.126.562.547	1.526.562.547	5.085.177.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.860.571.547</b>	<b>1.526.562.547</b>	<b>5.085.177.000</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>267.390.219</b>	<b>31.110.648</b>
Công cụ, dụng cụ	267.390.219	31.110.648
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.165.273.075</b>	<b>662.840.775</b>
Công cụ, dụng cụ	274.440.350	116.591.169
Chi phí hợp tác kinh doanh	486.893.333	546.249.606
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu Huế và Đà Nẵng (i)	20.403.939.392	-
<b>Tổng</b>	<b>21.432.663.294</b>	<b>693.951.423</b>

(i) Hợp đồng số 454/HĐTTS ngày 21/8/2018 về việc cho thuê tài sản, thiết bị, cửa hàng xăng dầu tại 187 Hùng Vương, thành phố Huế, thời hạn thuê 144 tháng và Hợp đồng 06/HĐTTS ngày 27/8/2018 về việc cho thuê tài sản, thiết bị, cửa hàng xăng dầu số 61 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Đà Nẵng, thời hạn thuê 240 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

	01/01/2018		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	115.121.435	115.121.435	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	274.428.291	-	68.894.391	-	205.533.900	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	60.140.313	90.601.375	105.031.681	-	45.710.007
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	500.252	500.252	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	94.333.489	94.333.489	-	-
<b>Tổng</b>	<b>274.428.291</b>	<b>60.140.313</b>	<b>373.450.942</b>	<b>318.986.857</b>	<b>205.533.900</b>	<b>45.710.007</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	4.308.182.236	-	2.432.064.910	68.424.609	6.808.671.755
Tăng trong năm	4.209.635.602	33.500.000	-	39.272.727	4.282.408.329
Mua trong năm	-	33.500.000	-	39.272.727	72.772.727
Xây dựng hoàn thành	4.209.635.602	-	-	-	4.209.635.602
Giảm trong năm	3.685.113.636	-	-	-	3.685.113.636
Thanh lý, nhượng bán	3.685.113.636	-	-	-	3.685.113.636
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>4.832.704.202</b>	<b>33.500.000</b>	<b>2.432.064.910</b>	<b>107.697.336</b>	<b>7.405.966.448</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	1.180.255.375	-	2.432.064.910	68.424.609	3.680.744.894
Tăng trong năm	602.491.808	8.284.944	-	3.272.727	614.049.479
Khấu hao trong năm	602.491.808	8.284.944	-	3.272.727	614.049.479
Giảm trong năm	1.217.586.743	-	-	-	1.217.586.743
Thanh lý, nhượng bán	1.217.586.743	-	-	-	1.217.586.743
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>565.160.440</b>	<b>8.284.944</b>	<b>2.432.064.910</b>	<b>71.697.336</b>	<b>3.077.207.630</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2018	3.127.926.861	-	-	-	3.127.926.861
Số dư tại 31/12/2018	4.267.543.762	25.215.056	-	36.000.000	4.328.758.818

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 2.500.489.519 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

	Sàn văn phòng số 01 Phạm Huy Thông	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2018		-
Tăng trong năm	29.749.488.918	29.749.488.918
Xây dựng hoàn thành	29.749.488.918	29.749.488.918
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>29.749.488.918</u>	<u>29.749.488.918</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2018		-
Tăng trong năm	1.231.812.020	1.231.812.020
Khấu hao trong năm	1.231.812.020	1.231.812.020
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>1.231.812.020</u>	<u>1.231.812.020</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2018		-
Số dư tại 31/12/2018	<u>28.517.676.898</u>	<u>28.517.676.898</u>

**5.11 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	1.279.789.809	1.279.789.809
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	-	24.560.193.202
Dự án Đà Nẵng	1.057.049.176	1.057.049.176
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	37.080.980.522	37.080.980.522
Dự án Quán Bánh Hà Tĩnh	141.317.772	141.317.772
Dự án cửa hàng xăng dầu Dĩ An	345.950.001	-
<b>Tổng</b>	<u>39.905.087.280</u>	<u>64.119.330.481</u>

5.11 Tài sản dở dang dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết:

Dự án	Hiện trạng chi tiết
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	Đang thực hiện hợp đồng cho thuê công trình trên đất hình thành trong tương lai số 01/PLAND-VHC ngày 11/05/2013. Hiện nay công trình đã bàn giao đi vào sử dụng nhưng chưa quyết toán xong giá trị tài sản đầu tư trên đất.
Dự án Quán Bánh Hà Tĩnh	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	Từ 8/2008 đến 3/2010 dự án tạm dừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để rà soát các đề án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội, sau khi huyện Mê Linh sáp nhập vào Hà Nội. Từ 3/2010 đến 8/2011, chờ phê duyệt quy hoạch chung TP Hà Nội, từ 8/2011 đến nay, thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch đầu nổi hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với quy hoạch chung TP Hà Nội mở rộng.
Dự án Đà Nẵng	Dự án đầu tư khai thác khu đất tại số 1 Trần Phú và số 6 Bạch Đằng - TP Đà Nẵng. Trong quá trình triển khai dự án trong dài hạn, để bù đắp chi phí tăng hiệu quả khai thác, Cty đã thực hiện hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất trung hạn số 10/PLAND-TĐ.
Dự án CHXD Dĩ An	Căn cứ Nghị Quyết số 19/PLAND-NQ- HDQT ngày 30/07/2018 về việc thông qua chủ trương đầu tư hợp tác kinh doanh Cửa hàng Xăng dầu Xe lửa Dĩ An thuộc Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An – Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Hiện nay, Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	số 01 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.000.000.000	63,0%	Tư vấn thiết kế
<b>Tổng</b>				

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND *	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP BĐS Nghệ An	Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	10.000.000.000	47,45%	Kinh doanh BĐS
<b>Tổng</b>				



5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		31/12/2018			01/01/2018		
	Vốn	Quyền	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	năm giữ	biểu quyết						
	%	%	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Công ty con			1.917.000.000	-		1.620.000.000	-	
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	63,00%	63,00%	1.917.000.000	-	(i)	1.620.000.000	-	(i)
b) Đầu tư Công ty liên kết			4.745.010.000	511.073.992		4.745.010.000	532.075.743	
Công ty CP BĐS Nghệ An	47,45%	47,45%	4.745.010.000	511.073.992	(i)	4.745.010.000	532.075.743	(i)
<b>Tổng</b>			<b>6.662.010.000</b>	<b>511.073.992</b>		<b>6.365.010.000</b>	<b>532.075.743</b>	

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.886.309.011</b>	<b>2.291.909.985</b>
Công ty TNHH Thương mại VHC	1.491.909.985	2.291.909.985
CTCP- Tổng công ty xây lắp và TM Petrolimex	2.394.399.026	-
<b>Tổng</b>	<b>3.886.309.011</b>	<b>2.291.909.985</b>

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.437.158.764</b>	<b>558.047.418</b>
Tiền cho thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu tại Huế và Đà Nẵng	24.655.000.001	-
Tiền thuê nhà	1.782.158.763	558.047.418
<b>Tổng</b>	<b>26.437.158.764</b>	<b>558.047.418</b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.040.362.382</b>	<b>16.308.318.725</b>
Kinh phí công đoàn	22.803.041	19.608.011
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế (1)	-	6.447.552.797
Nguyễn Đình Chiến (2)	2.200.000.000	2.200.000.000
Cổ tức phải trả	154.314.700	157.054.700
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	915.032.827	717.390.210
Vốn hoàn trả các cổ đông (3)	1.557.864.000	6.439.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.347.814	327.413.007
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.156.090.909</b>	<b>2.013.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (4)	2.156.090.909	2.013.000.000
<b>Tổng</b>	<b>7.196.453.291</b>	<b>18.321.318.725</b>

(1): Khoản tiền quản lý hộ Công ty PIT để chi trả các chi phí phát sinh khi giải thể doanh nghiệp trên cơ sở yêu cầu của Hội đồng giải thể Công ty Cổ phần đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế.

(2): Hợp đồng đặt cọc ngày 03/03/2014, Ông Chiến đặt cọc số tiền là 10% giá trị tạm tính của lô đất để khai thác khu đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 01 Trần Phú và số 06 Bạch Đằng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, thời hạn đặt cọc là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(3): Hoàn trả vốn các cổ đông theo Nghị quyết số 38/Pland-NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông.

(4): Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng



5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	12.754.161.319	1.376.525.328	(17.862.909.074)	96.267.777.573
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	14.851.909	-	2.109.872.197	2.124.724.106
Lỗi trong năm	-	-	-	2.109.872.197	2.109.872.197
Giảm khác	-	14.851.909	-	-	14.851.909
Số dư tại 31/12/2017	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(19.972.781.271)	94.143.053.467
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(19.972.781.271)	94.143.053.467
Tăng trong năm	-	-	-	1.544.773.464	1.544.773.464
Lãi trong năm	-	-	-	1.544.773.464	1.544.773.464
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(18.428.007.807)	95.687.826.931

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết Vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	51.000.000.000
CTCP- Tổng công ty xây lắp và TM Petrolimex	51.000.000.000	-
Tổng công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Đông Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán SHS	9.800.000.000	19.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	25.450.000.000	16.250.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1.376.525.328	1.376.525.328

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.383.028.688	5.718.833.557
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	3.600.000.000
<b>Tổng</b>	<b>7.383.028.688</b>	<b>9.318.833.557</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.987.015.128	3.307.372.877
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	4.369.772.546
<b>Tổng</b>	<b>5.987.015.128</b>	<b>7.677.145.423</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	730.184.091	1.034.771.343
Cổ tức lợi nhuận được chia	81.000.000	81.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>811.184.091</b>	<b>1.145.771.343</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Dự phòng đầu tư chứng khoán	(21.001.751)	(2.986.057.040)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(49.745)	5.584
Dự phòng đầu tư công ty con, công ty liên kết	-	(13.300.139)
Lỗ bán chứng khoán	-	2.073.639.790
<b>Tổng</b>	<b>(21.051.496)</b>	<b>(925.711.805)</b>

**5.21 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.820.894.650</b>	<b>5.725.707.267</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.298.194.478	3.480.154.893
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ	77.553.547	15.703.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	148.981.815	159.266.325
Chi phí khấu hao TSCĐ	614.049.479	267.247.800
Thuế, phí và lệ phí	104.325.516	54.980.480
Chi phí dự phòng	(611.342.000)	64.148.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.398.399	677.516.832
Chi phí bằng tiền khác	1.977.733.416	1.006.689.087
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>140.249.606</b>	<b>99.750.394</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.249.606	99.750.394

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.22 Lợi nhuận khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền phạt khách hàng	183.000.000	-
Lãi góp vốn trước tiến độ (1)	6.688.766.077	-
Thu nhập từ hiệu quả sử dụng vốn góp (1)	947.872.703	-
Thu nhập khác	281.264.753	2.414.182
<b>Tổng</b>	<b>8.100.903.533</b>	<b>2.414.182</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	338.475.760	-
Truy thu và các khoản phạt theo Biên bản Thuế	588.546.469	-
Kết chuyển Chi phí dự án 50A Hùng Vương (2)	1.750.621.303	-
Chi phí khác	145.591.428	-
<b>Tổng</b>	<b>2.823.234.960</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>5.277.668.573</b>	<b>2.414.182</b>

(1) Quyết toán Hợp đồng góp vốn đầu tư và phân chia sản phẩm số 04/HĐKT/Pland-Đông Dương ngày 18/7/2018 và Phụ lục Hợp đồng số 03/PLHĐ/Pland- Đông Dương giữa Công ty CP Hạ tầng xăng dầu (Pland) và Công ty CP Đầu tư Đông Dương về việc quyết toán tiền lãi do bên Pland góp vốn trước tiến độ và hiệu quả sử dụng vốn thực hiện dự án A2 Ngọc Khánh.

(2) Chi phí liên quan đến dự án 50A Hùng Vương của Công ty CP và Đầu tư Du lịch Petrolimex Huế (Công ty con của Công ty Pland hiện đã giải thể).

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>1.544.773.464</b>	<b>(2.109.872.197)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Điều chỉnh tăng	2.651.407.772	-
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	312.240.000	-
<i>Các khoản phạt thuế, bảo hiểm</i>	588.546.469	-
<i>Chi phí liên quan đến dự án 50A Hùng Vương</i>	1.750.621.303	-
<b>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>4.196.181.236</b>	<b>(2.109.872.197)</b>
<i>Chuyển lỗ</i>	4.196.181.236	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thuế suất hiện hành</b>		
Thuế suất	20%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.544.773.464	(2.109.872.197)
Các khoản điều chỉnh:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.544.773.464	(2.109.872.197)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	154,48	(211)

**5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	226.535.362	174.969.825
Chi phí nhân công	3.298.194.478	3.480.154.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.845.861.499	267.247.800
Chi phí dự phòng	(611.342.000)	64.148.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.973.521	832.247.706
Chi phí khác bằng tiền	1.977.733.416	1.006.689.087
<b>Tổng</b>	<b>7.192.956.276</b>	<b>5.825.457.661</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**6 THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Thù lao	396.940.000	429.600.000
Ban Giám đốc	Tiền lương	232.597.000	320.721.000

**b. Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
CTCP Tổng công ty xây lắp và TM Petrolimex	Thi công cải tạo văn phòng	2.394.399.026	-

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
CTCP Tổng công ty xây lắp và TM Petrolimex	Tiền thuê văn phòng	1.503.040.000	-
	Tiền thuê xe	1.980.000	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Xây dựng Petrolimex	Tư vấn	15.000.000	-
	Tiền thuê văn phòng, điện, nước	225.934.675	212.949.838

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

Bán hàng	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
CTCP Tổng công ty xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cho thuê văn phòng	936.639.500	-
	Cho thuê xe	110.000.000	-

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Trương Hùng Sơn